

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC X – THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 8 - 2026

*V/v Ly hôn, nuôi con chung,
cấp dưỡng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X - THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Văn Nhạ và bà Nông Thị Giáp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Kiều Trang, là Thư ký Tòa án nhân khu vực X, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực x – Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Mã Ngọc Cẩm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực x - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2026/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung, cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2026/QĐST-DS ngày 29/7/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cung Thùy L, sinh năm 19xx (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ z, phường Đ, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh La Văn B, sinh năm 19xx (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi làm việc: Tổ z, phường Đ, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Cung Thùy L trình bày:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn, chị Cung Thùy L và anh La Văn B được tự nguyện tìm hiểu nhau và được gia đình hai bên tổ chức cưới theo phong tục địa phương năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Nay là Xã N, tỉnh Thái Nguyên). Sau khi có con chung thì anh La Văn B đã ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác và vẫn không chấm dứt ngoại tình sau khi đã được chị L nhắc nhở. Hiện tại, tuy sống chung cùng nhà nhưng chị L đã sống ly thân với anh B. Mâu thuẫn vợ chồng về việc anh B ngoại tình với người phụ nữ khác; về việc hai vợ chồng sống ly thân thì cha mẹ ruột chị L, anh B và hàng xóm láng giềng nơi chị L và anh B sinh sống không ai được biết. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh B.

1.2. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 01 con chung tên là La

Thiên M, sinh ngày xx/x/20xx. Con chung khoẻ mạnh và phát triển bình thường, hiện nay con chung đang ở cùng với chị L và anh B. Nay ly hôn, chị L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Minh đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu anh Bằng phải cấp dưỡng nuôi con M cho chị L với mức cấp dưỡng là 5.000.000đ/tháng; phương thức cấp dưỡng là vào ngày 15 hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

1.3. Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

1.4. Về công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5. Về án phí: Chị L tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn và tiền án phí cấp dưỡng.

2. Tại biên bản ghi lời khai – anh La Văn B trình bày:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị L kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh B không đồng ý ly hôn với chị L vì cho rằng lý do xin ly hôn mà chị L đưa ra là không đúng. Anh B không thừa nhận có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, hai vợ chồng vẫn sống cùng nhà không phải ly thân như chị L trình bày. Anh B khẳng định ảnh đại diện và tên Messenger (Tài khoản Messenger) trong tập tài liệu file ảnh do chị L cung cấp đúng là của anh. Nhưng anh B không thừa nhận nội dung các đoạn nói chuyện, trao đổi giữa tài khoản Messenger của chị L và tài khoản Messenger của anh B là do anh thực hiện, anh B cho rằng các đoạn tin nhắn giữa tài khoản Messenger của chị L và tài khoản Messenger của anh B là không có giá trị.

2.2. Về con chung: Anh B nhất trí với quan điểm về con chung của chị L trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, cụ thể: Nhất trí cho chị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con La Thiên M sinh ngày xx/z/20xx đến trưởng thành 18 tuổi và anh B nhất trí cấp dưỡng nuôi con M cho chị L với mức cấp dưỡng là 5.000.000đ/tháng; phương thức cấp dưỡng là ngày 15 hàng tháng.

2.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại các file ảnh do chị L cung cấp đã được Tòa án xem xét; kiểm tra, đối chiếu với nội dung gốc trên điện thoại của chị L ngày 07/7/2026 có nội dung anh B, chị L đã nhắn tin qua lại giữa tài khoản Messenger của chị L và tài khoản Messenger của anh B, trong đó có một số đoạn tin nhắn thể hiện anh B không còn tình cảm với chị L muốn kết thúc cuộc hôn nhân, thể hiện hai bên không còn quan tâm, quan hệ, gần gũi nhau trong một khoảng thời gian dài, cụ thể “...đừng làm khổ nhau nữa; kết thúc đi; ...đ... có loại vợ như m...; thích ly hôn thì ly hôn; người ta không xinh bằng em nhưng người ta mang cho anh hạnh phúc; chúng ta 10 năm rồi ôm hôn nhau đâu em; có ngủ cùng nhau đâu; 10 năm qua thủ d sống không hạnh phúc thế này còn gì em; ...mình có vk ck trên danh nghĩa thôi; anh cũng sống vì thằng con thôi; vì con thôi... ”.

4. Tại Biên bản ghi lời khai và đơn trình bày nguyện vọng của cháu La Thiên M trình bày: Cháu La Thiên M sinh ngày 23/3/2016 được cha mẹ chăm sóc sinh hoạt, học hành đầy đủ; không bị cha mẹ xúc phạm. Nay cháu M có nguyện vọng ở với mẹ.

5. Tại biên bản lấy lời khai, bà Vũ Thị Đ là mẹ đẻ của anh La Văn B cung

cấp thông tin: Anh La Văn B là con trai của bà Đ. Vợ chồng anh B, chị L sau khi kết hôn thì sinh sống tại Hà Nội. Trong thời kỳ hôn nhân con B có quan hệ với với người phụ nữ khác không thì bà Đ không biết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án do các đương sự không thống nhất được về quan hệ hôn nhân nên Tòa án nhân dân khu vực x – Thái Nguyên quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực x – Thái Nguyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025; bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147 của BLTTDS 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị Cung Thùy L được ly hôn với anh La Văn B.

- + Về con chung: Giao con La Thiên M, sinh ngày xx/x/20xx cho chị Cung Thùy L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con M đến khi con Minh đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh La Văn B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con M cho chị L với mức cấp dưỡng là 5.000.000đ/tháng; phương thức cấp dưỡng là vào ngày 15 hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- + Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- + Về công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- + Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Cung Thùy L có địa chỉ tại tổ z, phường Đ, thành phố Hà Nội có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực x – Thái Nguyên giải quyết vụ án “Ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng” với anh La Văn B có địa chỉ tại thôn Đ, xã N, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực x – Thái

Nguyên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025.

Nguyên đơn chị Cung Thùy L có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần hai tại phiên tòa. Đại diện viện kiểm sát đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Sau khi thảo luận, Tòa án quyết định phiên tòa xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228, 238 của BLTTDS 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cung Thùy L và anh La Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Nay là xã N, tỉnh Thái Nguyên) vào ngày 04/3/2016. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh B là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp, nguyên đơn chị Cung Thùy L cho rằng hôn nhân giữa chị L và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng hôn nhân rạn nứt theo chị L là do anh B có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, đã được chị L khuyên can và anh B cũng đã cam kết sẽ chấm dứt nhưng sau đó anh B không thực hiện nên mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng. Các bên mặc dù vẫn sống chung một nhà nhưng ngủ phòng riêng, ly thân nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, hỏi han và quan hệ gần gũi vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh B không thừa nhận mình có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, vợ chồng vẫn gần gũi, sống chung một nhà, không phải ly thân như chị L trình bày nên anh B không đồng ý ly hôn.

Đánh giá toàn diện lời trình bày của các bên, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trong đó có các file ảnh do chị L cung cấp cho Tòa, chụp lại màn hình điện thoại thể hiện các tin nhắn qua lại giữa tài khoản Messenger của chị L và tài khoản Messenger của anh B. HĐXX thấy rằng, anh B khẳng định tên tài khoản, ảnh đại diện đúng là tài khoản Messenger của anh B, nhưng anh B lại phủ nhận các đoạn tin nhắn gửi cho chị L không phải do anh B thực hiện nhưng anh B không chứng minh được tài khoản Messenger của mình do người khác chiếm quyền sử dụng, do đó ý kiến của anh B là không có căn cứ để chấp nhận. Có cơ sở để kết luận chứng cứ các đoạn tin nhắn qua tài khoản Messenger của anh B và chị L gửi cho nhau là khách quan, đủ điều kiện để sử dụng là chứng cứ đánh giá tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh B. Sau khi xem xét cân trọng, toàn diện các chứng cứ, trong đó có chứng cứ là các đoạn tin nhắn trên tài khoản Messenger của chị L và anh B. Chứng cứ này phù hợp với nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, trình bày của chị L về tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh B. Như vậy, có căn cứ để kết luận: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc kéo dài cuộc hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh B theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trong hôn nhân, chị L và anh B có con chung là La Thiên

M, sinh ngày xx/x/20xx. Con chung khoẻ mạnh và phát triển bình thường, hiện nay con M đang ở cùng với chị L, anh B. Nay ly hôn, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con M đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu anh B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị L với mức cấp dưỡng là 5.000.000đ/tháng đến khi con đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng là vào ngày 15 tháng. Quan điểm nuôi con chung của chị L phù hợp với nguyện vọng của cháu M và anh B về việc con M có nguyện vọng ở với chị L; anh B nhất trí cho chị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con M đến khi đủ 18 tuổi trên cơ sở nguyện vọng của cháu M và anh B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị L với mức cấp dưỡng là 5.000.000đ/tháng đến khi con đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng là vào ngày 15 tháng nếu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh B. Trên cơ sở phân tích nhận định trên, Tòa án nhận định: Cần chấp nhận yêu cầu về quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị L sau ly hôn và anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con M cho chị L với mức cấp dưỡng là 5.000.000đ/tháng cho đến khi con M đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng là vào ngày 15 hàng tháng.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Cung Thùy L và anh La Văn B đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không được đặt ra để xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và ghi nhận nguyên đơn tự nguyên chịu toàn bộ án phí cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025.

Căn cứ khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Cung Thùy L với anh La Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Cung Thùy L được ly hôn với anh La Văn B.

Quan hệ hôn nhân giữa các đương sự chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

- Giao con chung La Thiên M, sinh ngày xx/x/20xx cho chị Cung Thùy L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con M đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh La Văn B là người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh La Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con La Thiên M sinh ngày xx/x/20xx cho chị Cung Thùy L với mức cấp dưỡng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng là vào ngày 15 hàng tháng;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Cung Thùy L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và ghi nhận chị L tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng. Xác nhận chị L đã nộp xong tiền án phí ly hôn sơ thẩm và tiền án phí cấp dưỡng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002869, ngày 30/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Cung Thùy L, bị đơn anh La Văn B vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho họ hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 8, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự../.

Nơi nhận:

- Các Đương Sự;
- VKS khu vực x;
- UBND xã N;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Phòng THADS KVx- Thái Nguyên
- Lưu HSSV, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(Đã ký)

TRẦN QUANG HÒA